

Bản án số: 01/2019/HNGĐ - ST  
Ngày: 22-01-2019.  
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Phụng

2. Ông Nguyễn Văn Vũ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 368/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đặng Ngọc P – Luật sư – Văn phòng Luật sư P – Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

**2. Bị đơn:** Bà Mai Thị T, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2018 và trong quá trình xét xử; nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

*Về hôn nhân:* Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước, ông và bà Mai Thị T tự nguyện tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C (nay là huyện M vào ngày 31/10/1996). Sau khi thành hôn, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về tiền bạc, bà T sau khi đi làm xa về thì lại đem tài sản chung của gia đình gửi bên người thân của bà T dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau. Ông bà chính thức sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng

không có gặp gỡ nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vào năm 2017, ông có nộp đơn xin ly hôn với bà T nhưng Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông. Từ thời gian đó cho đến nay, ông và bà T vẫn không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không ai nói chuyện với ai, khi ông bị tai nạn bà T không quan tâm. Nay ông xin được ly hôn với bà Thảo vì không còn tình cảm.

*Về nuôi con chung:* Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 24/7/1991 và Nguyễn Xuân M, sinh ngày 23/7/1993. Nay các con đều trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Về chia tài sản:*

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 28/12/2018 và trong quá trình xét xử; bị đơn bà Mai Thị T trình bày:*

*Về hôn nhân:* Bà thống nhất phần trình bày của ông H về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2016 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do khi bà đi làm không có ở nhà thì ông H đem bán bộ bàn ghế trong nhà để lấy tiền đi cưới người phụ nữ khác. Ngoài lý do này ra vợ chồng không có mâu thuẫn nào khác. Từ lúc Tòa không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đến nay thì ông bà vẫn không hòa hợp để hàn gắn được và vẫn tiếp tục sống ly thân. Ông bà chính thức sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân ông bà không có bàn bạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà muốn hàn gắn nhưng ông H không đồng ý nói chuyện với bà. Nay ông H xin ly hôn, bà không đồng ý vì còn tình cảm nhưng bà không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn.

*Về nuôi con chung:* Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 24/7/1991 và Nguyễn Xuân M, sinh ngày 23/7/1993. Nay các con đều trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Về chia tài sản:*

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:*

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H xin ly hôn với bà Mai Thị T. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ. Vì: Tại bản tự khai, bà T cũng thừa nhận bà và ông H có xảy ra mâu thuẫn với nhau; ông H cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do bà T tự ý đem tài sản chung của gia đình về gia đình bà T. Năm 2017, ông H nộp đơn xin ly hôn với bà T tại Tòa án nhân dân huyện M nhưng bị Tòa án bác đơn. Từ lúc đó cho đến nay, hai bên không có gặp gỡ nhau để tìm cách hàn gắn. Theo quy định của pháp luật thì vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau nhưng hiện chỉ có bà T còn tình cảm với

ông H, ông H lại không còn tình cảm với bà T, khi ông H bị tai nạn thì bà T không quan tâm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Theo ông H xác định nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về tiền bạc, sau khi bà T đi làm xa về thì lại đem tài sản chung của gia đình gửi bên người thân của bà T dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau. Nay ông xin được ly hôn với bà T vì không còn tình cảm. Bà T cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do khi bà đi làm không có ở nhà thì ông H đem bán bộ bàn ghế trong nhà để lấy tiền đi cưới người phụ nữ khác. Ngoài lý do này ra vợ chồng không có mâu thuẫn nào khác. Tại phiên tòa, bà T không đồng ý ly hôn với ông H vì còn tình cảm.

Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông H, bà T đã tồn tại một thời gian dài, đã có với nhau hai con chung nhưng ông bà không biết vun đắp tình cảm, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ mà ngược lại đã để cho những mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, sống bỏ mặc không quan tâm nhau cụ thể trong thời gian sống ly thân ông bà không bàn bạc để tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến ông H đã nộp đơn xin ly hôn với bà T vào năm 2017. Tại phiên tòa, ông H và bà T thống nhất sau khi Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H thì ông bà vẫn không thể hàn gắn được dẫn đến ông H tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với bà T. Bà T không đồng ý ly hôn với ông H nhưng bà không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Và tại phiên tòa, ông H cương quyết được ly hôn với bà T vì không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ.

[2] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 24/7/1991 và Nguyễn Xuân M, sinh ngày 23/7/1993. Nay các con đều trưởng thành nên Tòa án không đề cập.

[3] *Về chia tài sản*:

Tài sản chung: Ông H và bà T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Ông H và bà T thống nhất không có nên không đề cập.

[4] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5] Xét về quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Cc căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, ©R 003056 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H.

Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Mai Thị T.

2. *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 24/7/1991 và Nguyễn Xuân M, sinh ngày 23/7/1993. Nay các con đều trưởng thành nên Tòa án không đề cập.

3. *Về chia tài sản*:

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không đề cập.

4. *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông H đã nộp theo biên lai thu số \*\*\*\*\* ngày \*\*/\*\*/\*\*\*\* của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Kim Sang**